Tạp chí Tâm lý học Việt Nam số 1 - Tháng 2 năm 2026

DOI: https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n1.1

ATTITUDES TOWARD THE USE OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN LEARNING AMONG STUDENTS AT HANOI LAW UNIVERSITY

Nguyen Thi Thanh Nga;
Hanoi Law University
Le Thi Thanh Thuy
Vietnam Youth Academy

Received December 10,2025
Accepted December 26,2025

Abstract: *This study was conducted with 481 students at Hanoi Law University to examine their attitudes toward the use of artificial intelligence (AI) in learning. Students' attitudes were reflected in three dimensions: cognition, affect, and behavior. Students showed positive attitudes toward the use of AI in learning (M = 3.84; SD = 0.42). Among the three dimensions, cognition was the most positive (M = 3.94, SD = 0.31), while behavioral and affective dimensions were lower, with mean scores of 3.80 and 3.78, respectively. The study also analyzed differences by year of study, gender, and GPA.*

Keywords: *Attitude; Artificial intelligence; Students; Learning; Higher education.*

THỰC TRẠNG THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thanh Nga
Trường Đại học Luật Hà Nội.
Lê Thị Thanh Thủy
Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Ngày nhận bài: 10/12/2025
Ngày duyệt đăng bài: 26/12/2025

Tóm tắt: *Nghiên cứu được thực hiện trên 481 sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội nhằm làm rõ thực trạng thái độ đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập. Kết quả cho thấy thái độ của sinh viên được biểu hiện qua ba mặt: nhận thức, cảm xúc và hành vi. Nhìn chung, sinh viên có thái độ tích cực đối với việc sử dụng AI trong học tập với ĐTB chung là 3,84; ĐLC = 0,42, trong đó nhận thức có mức độ tích cực cao nhất với ĐTB = 3,94; ĐLC = 0,31, biểu hiện ở hành vi và cảm xúc tích cực nhưng thấp hơn với ĐTB lần lượt là 3,80 và 3,78. Bài viết cũng phân tích một số khác biệt theo năm học, giới tính và GPA.*

Từ khóa: *Thái độ; Trí tuệ nhân tạo; Sinh viên; Học tập; Giáo dục đại học.*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là các công nghệ AI tạo sinh, đang được ứng dụng mạnh mẽ trong giáo dục hiện nay. Việc tích hợp AI vào hoạt động học tập không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận tri thức

mà còn đặt ra những vấn đề mới về cách thức học tập, trách nhiệm cá nhân và chuẩn mực học thuật. Nhiều nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của AI trong học tập: Salas-Pilco và cộng sự (2022) cho rằng AI giúp nâng cao hiệu quả học tập; nghiên cứu của C. Yang, S. Huan và Y. Yang (2020) cho thấy AI có khả năng cải tiến phương pháp giảng dạy; K. T. Schroeder (2020) cho rằng AI giúp cá nhân hóa trong học tập và tác động tích cực đến hứng thú, thái độ học tập của người học...

Các nghiên cứu gần đây trong tâm lý học giáo dục cho thấy việc sử dụng AI (đặc biệt là ChatGPT) chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như kỳ vọng hiệu suất, nỗ lực, ảnh hưởng xã hội, điều kiện thuận lợi và lo ngại về quyền riêng tư (Cai và cộng sự, 2023; Menon và Shilpa, 2023). Đồng thời, cảm nhận về tính dễ sử dụng và tính hữu ích cùng với phản hồi tích cực từ giảng viên có tác động tích cực đến thái độ và ý định sử dụng của sinh viên (Lin và Yu, 2023). Các kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Venkatesh và cộng sự (2003), Davis (1989) khi đưa ra các mô hình kinh điển như UTAUT (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology) và TAM (Technology Acceptance Model), trong đó tính dễ sử dụng được xác định là yếu tố quan trọng hình thành thái độ tích cực và thúc đẩy hành vi sử dụng công nghệ. Trong bối cảnh AI, khi người học nhận thấy công cụ như ChatGPT dễ tiếp cận, hỗ trợ hiệu quả việc học và cung cấp phản hồi rõ ràng, họ có xu hướng gia tăng mức độ chấp nhận và sử dụng; ngược lại, các yếu tố như khó sử dụng hoặc thông tin thiếu chính xác có thể làm giảm động lực sử dụng (Lin và Yu, 2023). Ngoài ra, các nghiên cứu gần đây cho thấy sinh viên vừa nhận thức rõ lợi ích của AI trong hỗ trợ học tập, vừa quan tâm đến các rủi ro về độ chính xác và đạo đức, đồng thời có xu hướng ủng hộ việc sử dụng AI có hướng dẫn thay vì cấm đoán (Tierney và cộng sự, 2025). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Brandon Nacua Obenza và cộng sự (2023) cho thấy sinh viên có nhận thức tốt, thái độ tích cực và mong muốn tiếp tục sử dụng chatbot trong học tập.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về AI trong giáo dục còn tương đối mới nhưng đã có những kết quả bước đầu đáng chú ý. Thái Thị Cẩm Trang (2023) khảo sát sinh viên sư phạm tiếng Anh và cho thấy phần lớn sinh viên đã biết đến và sử dụng ChatGPT, đồng thời có kỳ vọng về tiềm năng hỗ trợ học tập và nghề nghiệp. Trần Văn Hưng và Đinh Thị Mỹ Hạnh (2024), khi khảo sát 870 học sinh tại Đà Nẵng, chỉ ra rằng bên cạnh lợi ích, người học gặp nhiều khó khăn như thiếu kỹ năng đánh giá thông tin, phụ thuộc công nghệ và chưa lường trước rủi ro bản quyền. Hiền Lê Đăng (2020) đề xuất sinh viên cần kết hợp AI với phương pháp học truyền thống và duy trì thái độ tích cực nhưng phê phán. Greeni

Maheshwari (2023) trong bối cảnh Việt Nam cũng cho thấy tính dễ sử dụng có ảnh hưởng tích cực đến ý định sử dụng ChatGPT. Đặng Văn Em và cộng sự (2024) khẳng định ChatGPT là công cụ hữu ích cho sinh viên, song việc sử dụng đòi hỏi tinh thần trách nhiệm và kỹ năng thực hành phù hợp.

Nhìn chung, các nghiên cứu cho thấy thái độ và hành vi sử dụng AI của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi nhận thức về tính hữu ích, tính dễ sử dụng và bối cảnh học tập. Tuy nhiên, các công trình hiện nay chủ yếu tập trung vào ý định chấp nhận, trong khi tiếp cận thái độ như một cấu trúc gồm nhận thức - cảm xúc - hành vi và khảo sát thực trạng cụ thể còn hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này xem thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập là trạng thái tâm lý có ý thức, biểu hiện qua nhận thức, cảm xúc và hành vi; đồng thời tập trung phân tích thực trạng tại Trường Đại học Luật Hà Nội nhằm cung cấp căn cứ cho việc định hướng sử dụng AI trong giáo dục đại học.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Tổng mẫu nghiên cứu gồm 481 sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn sâu 20 sinh viên, 2 cố vấn học tập, 5 giảng viên. Dưới đây là bảng mô tả một số đặc điểm của mẫu nghiên cứu:

Bảng 1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu (n = 481)

Đặc điểm		**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**
Giới tính	Nam	146	30,4
	Nữ	335	69,6
		481	**100**
Khoá học	Năm thứ nhất	86	24,1
	Năm thứ hai	166	34,5
	Năm thứ ba	116	17,9
	Năm thứ tư	113	23,5
		481	**100**
Ngành học	Ngành Luật	228	47,4
	Ngành Luật kinh tế	145	30,1
	Ngành Luật Thương mại quốc tế	67	13,9
	Ngành Ngôn ngữ Anh	41	8,5
		481	**100**
Điểm trung bình học tập	< 2,0	6	1,2
	2,00 - 2,49	54	11,2
	2,50 - 3,19	171	35,6
	3,20 - 3,59	226	47,0

	3,60 - 4,00	24	5,0
		481	**100**

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu, và phần mềm thống kê toán học SPSS 26.0 dành cho nghiên cứu khoa học xã hội được sử dụng để thu thập dữ liệu thực tế và xử lý số liệu.

Trên cơ sở xem xét các thang đo của các tác giả nước ngoài và trong nước có chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với nội dung và khách thể nghiên cứu, kết quả nghiên cứu này dựa trên 3 thang đo sau: thang đo Nhận thức; thang đo Cảm xúc; thang đo Hành vi. Thang đo Nhận thức của sinh viên về AI được sử dụng trong học tập (tự đánh giá của sinh viên về mức độ nhận thức về AI) gồm 26 biến quan sát chia làm 2 tiểu thang đo. Tiểu thang đo về hiểu biết chung về AI sử dụng trong học tập gồm các nhóm câu hỏi: Nhận thức về bản chất và loại hình AI; Nhận thức về cách AI hỗ trợ hoạt động học tập; Nhận thức về giới hạn và rủi ro của AI; Nhận thức về trách nhiệm, đạo đức và pháp lý. Tiểu thang đo về nhận thức của sinh viên về cách viết prompt hiệu quả và các mô hình AI sử dụng trong học tập. Thang đo Cảm xúc của sinh viên khi sử dụng AI trong học tập có 12 biến quan sát. Thang đo Hành vi sử dụng AI trong học tập của sinh viên gồm 23 biến quan sát chia cho 5 tiểu thang đo: hành vi sử dụng AI hỗ trợ học tập sâu; hành vi sử dụng AI mang tính chiến lược, kiểm soát; hành vi tương tác với AI; hành vi sử dụng AI mang tính phụ thuộc; hành vi đánh giá và tích hợp kết quả từ AI.

Các thang đo trên được thiết kế theo thang Likert 5 mức độ với điểm số đánh giá như sau: Hoàn toàn đồng ý: 5 điểm; Đồng ý: 4 điểm; Phân vân: 3 điểm; Không đồng ý: 2 điểm; Hoàn toàn không đồng ý: 1 điểm. Điểm của toàn bộ thang đo và các tiểu thang đo được tính dựa trên giá trị trung bình của các item cấu thành mỗi thang đo và tiểu thang đo tương ứng. Giá trị điểm trung bình càng cao phản ánh thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên càng tích cực. Khoảng cách giữa các mức độ được tính như sau: lấy điểm tối đa (5) trừ đi điểm tối thiểu (1), sau đó chia cho 5 mức phân loại, qua đó xác định độ rộng mỗi khoảng là 0,8. Từ đó, điểm trung bình của thang đo được chia thành 5 mức độ như sau:

Bảng 2. Thang đánh giá mức độ thái độ và các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên

TT	Mức độ thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên	Mức điểm
1	Thái độ rất tiêu cực	Từ 1 đến 1,80

2	Thái độ tiêu cực	Từ 1,80 đến 2,60
3	Thái độ trung tính	Từ 2,60 đến 3,40
4	Thái độ tích cực	Từ 3,40 đến 4,20
5	Thái độ rất tích cực	Từ 4,20 đến 5

Các phép thống kê sử dụng gồm: kiểm định độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha), tỷ lệ %, điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC), tương quan Pearson, T-test và One-way Anova. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu sinh viên các khóa, giảng viên và cố vấn học tập để bổ trợ kết quả định lượng. Hệ số Cronbach's Alpha được tính dựa trên phương sai của các mệnh đề trong thang đo. Kết quả cho thấy thang đo đều có độ tin cậy ≥ 0,6 đảm bảo cho việc phân tích kết quả nghiên cứu. Kết quả thể hiện ở bảng 3 như sau:

Bảng 3. Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

TT	Thang đo	Số lượng item	Độ tin cậy (α)
1	Nhận thức chung về AI	26	0,688
2	Cảm xúc khi sử dụng AI trong học tập	12	0,775
3	Hành vi sử dụng AI	23	0,778

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Đánh giá chung về thái độ đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội

Bảng 4. Thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên

TT	Các mặt biểu hiện	ĐTB	ĐLC
1	Nhận thức	3,94	0,31
2	Cảm xúc	3,78	0,70
3	Hành vi	3,80	0,27
ĐTB chung		**3,84**	**0,42**

Kết quả khảo sát cho thấy thái độ chung của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội đối với việc sử dụng AI trong học tập thuộc mức tích cực, với điểm trung bình chung = 3,84; ĐLC = 0,42. Điều này phản ánh rằng nhìn chung sinh viên có khuynh hướng ủng hộ và chấp nhận việc sử dụng AI trong học tập.

Xét theo từng mặt biểu hiện của thái độ, nhận thức là thành phần đạt mức cao nhất (ĐTB = 3,94; ĐLC = 0,31), cho thấy sinh viên đã có nhận thức tương đối rõ ràng về vai trò và giá trị của AI trong học tập, tạo nền tảng thuận lợi cho việc tiếp cận và sử dụng công nghệ này trong môi trường học thuật. Ở mặt hành vi, điểm trung bình đạt mức tích cực (ĐTB = 3,80; ĐLC = 0,27), phản ánh xu hướng chuyển hóa nhận thức thành hành vi sử dụng AI trong học tập. Độ lệch chuẩn thấp cho thấy sự tương đối đồng đều giữa các sinh viên, đồng thời gợi ý rằng việc sử dụng AI đã trở nên khá phổ biến. Trong khi đó, cảm xúc là thành phần có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB = 3,78; ĐLC = 0,70) nhưng vẫn nằm trong khoảng tích cực. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn cao hơn cho thấy trạng thái cảm xúc có sự phân hóa rõ rệt, bên cạnh những cảm xúc tích cực vẫn tồn tại sự dè dặt hoặc lo ngại khi sử dụng AI trong học tập.

3.2. Các mặt biểu hiện thái độ đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội

3.2.1. Nhận thức của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội về trí tuệ nhân tạo

Bảng 5. Nhận thức của sinh viên về việc sử dụng AI trong học tập

TT	Các biểu hiện nhận thức của sinh viên về AI	ĐTB	ĐLC
Hiểu biết chung về trí tuệ nhân tạo		*3,90*	*0,50*
1	Tôi biết rằng có nhiều loại công cụ AI khác nhau được ứng dụng trong học tập.	4,28	0,77
2	Tôi phân biệt được AI tạo sinh và AI phân tích dữ liệu trong học tập.	3,42	0,97
3	Tôi biết một số công cụ AI phổ biến phục vụ học tập và chức năng chính của chúng.	3,98	0,86
4	Tôi hiểu các nguyên tắc cơ bản về cách các công cụ AI tạo ra kết quả.	3,95	0,87
Hiểu biết về cách vận hành của AI trong việc hỗ trợ người học		*3,94*	*0,48*
1	Tôi hiểu cách AI có thể hỗ trợ việc tóm tắt, tổng hợp và diễn giải tài liệu học tập.	3,96	0,83
2	Tôi hiểu cách AI có thể hỗ trợ quá trình viết bài học thuật ở mức độ phù hợp	3,95	0,83
3	Tôi biết được rằng AI có thể hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học tập.	3,94	0,82
4	Tôi hiểu rằng hiệu quả sử dụng AI phụ thuộc nhiều vào cách đặt câu hỏi hoặc yêu cầu đối với AI.	3,92	0,82

Hiểu biết về giới hạn của AI và những rủi ro khi sử dụng AI trong học tập		*3,96*	*0,44*
1	Tôi nhận thức được rằng kết quả do AI tạo ra không phải lúc nào cũng chính xác hoặc có căn cứ khoa học.	4,00	0,83
2	Tôi nhận thức được rằng việc sử dụng AI có thể giúp tiết kiệm thời gian học tập.	3,95	0,82
3	Tôi nhận thức được rằng việc phụ thuộc quá nhiều vào AI có thể làm giảm khả năng tư duy phản biện.	3,98	0,83
4	Tôi nhận thức được rằng AI có thể hỗ trợ học tập nhưng không thể thay thế hoàn toàn sự sáng tạo của con người.	3,97	0,82
5	Tôi nhận thức được rằng AI có thể phản ánh những thiên lệch từ dữ liệu huấn luyện.	3,95	0,85
Hiểu biết về trách nhiệm, đạo đức và pháp lý khi sử dụng AI trong học tập		*3,95*	*0,45*
1	Tôi biết rằng việc sao chép nguyên văn nội dung do AI tạo ra có thể vi phạm đạo đức học thuật.	4,00	0,82
2	Tôi hiểu rằng khi sử dụng AI trong bài viết, cần ghi rõ công cụ được sử dụng hoặc cách trích dẫn phù hợp.	3,95	0,82
3	Tôi biết các rủi ro liên quan đến quyền riêng tư và rò rỉ dữ liệu khi nhập thông tin cá nhân vào nền tảng AI.	3,94	0,83
4	Tôi biết rằng trường đại học của tôi có quy định cụ thể về việc sử dụng AI trong học tập.	3,92	0,84
5	Tôi hiểu rằng người dùng phải chịu trách nhiệm về độ chính xác và tính trung thực của nội dung do AI tạo ra.	3,95	0,84
Hiểu biết về cách viết promt hiệu quả và các mô hình AI sử dụng trong học tập		*3,93*	*0,36*
1	Tôi hiểu rằng cách viết prompt (câu lệnh/yêu cầu) ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phản hồi của AI.	3,96	0,69
2	Tôi hiểu rằng AI tạo sinh là công cụ có khả năng sinh ra văn bản, hình ảnh hoặc mã lệnh dựa trên dữ liệu huấn luyện.	3,95	0,70
3	Tôi có thể phân biệt AI tạo sinh và AI phân tích dữ liệu trong các ứng dụng học tập.	3,87	0,76
4	Tôi hiểu rằng AI ngôn ngữ như ChatGPT hoặc Gemini có khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên theo ngữ cảnh.	3,92	0,71
5	Tôi hiểu rằng AI hỗ trợ học tập cá nhân hóa có thể điều chỉnh nội dung học phù hợp với năng lực người học.	3,90	0,71

6	Tôi nhận thức được rằng AI không chỉ tạo nội dung mà còn có thể đánh giá, phản hồi hoặc gợi ý cải thiện bài tập.	3,97	0,70
7	Tôi hiểu rằng AI hoạt động dựa trên các mô hình ngôn ngữ lớn được huấn luyện từ lượng dữ liệu văn bản lớn.	3,94	0,70
8	Tôi nhận thức rằng AI không "hiểu" con người theo nghĩa cảm xúc, mà hoạt động dựa trên xác suất dữ liệu.	3,95	0,72
ĐTB chung		**3,94**	**0,31**

Kết quả từ bảng số liệu trên cho thấy ĐTB chung của toàn bộ thang đo nhận thức của sinh viên về AI trong học tập đạt 3,94, ĐLC = 0,31). Điều này phản ánh rằng nhận thức của sinh viên về AI nhìn chung ở mức khá cao và tương đối đồng đều. Độ lệch chuẩn thấp cho thấy mức độ phân tán không lớn cho thấy phần lớn sinh viên có nhận thức tương đối tương đồng, chưa xuất hiện sự phân hóa mạnh giữa các nhóm sinh viên. Như vậy có thể thấy trí tuệ nhân tạo đang trở thành một công cụ hỗ trợ quen thuộc trong môi trường học tập đại học, sinh viên đã tiếp cận, đã sử dụng, tuy vậy nhận thức của sinh viên cũng chưa đạt tới mức hiểu biết sâu, chuyên nghiệp hoặc mang tính hệ thống về AI. Đối với nhóm nhận thức chung về AI được sử dụng trong học tập, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có mức hiểu biết chung về trí tuệ nhân tạo ở mức khá (ĐTB = 3,90; ĐLC = 0,50). Trong nhóm này, nội dung có ĐTB cao nhất là "Tôi biết rằng có nhiều loại công cụ AI khác nhau được ứng dụng trong học tập" với ĐTB = 4,28. Điều này cho thấy sinh viên có mức độ nhận diện khá rõ về sự đa dạng của các công cụ AI trong học tập và AI đã trở thành một công cụ hỗ trợ quen thuộc trong môi trường học tập đại học, được sinh viên tiếp cận qua nhiều nền tảng khác nhau. Tuy nhiên, khả năng phân biệt các loại AI theo chức năng và bản chất lại ở mức thấp hơn đáng kể, đặc biệt với nội dung liên quan đến việc phân biệt AI tạo sinh và AI phân tích dữ liệu (ĐTB = 3,42). Khoảng chênh lệch này cho thấy nhận thức của sinh viên chủ yếu dừng lại ở mức độ nhận diện và sử dụng, nhưng nhận thức đầy đủ, chính xác thì thấp hơn. Số liệu này được củng cố bởi các chia sẻ trong phỏng vấn sâu, khi một số sinh viên cho biết: "*Em dùng nhiều công cụ AI khác nhau nhưng thật ra không phân biệt rõ chúng thuộc loại AI gì, chủ yếu thấy tiện, hiệu quả là dùng*". Điều này cho thấy trải nghiệm thực hành đi trước, trong khi nền tảng lý thuyết về AI còn tương đối mờ nhạt.

Ở nhóm nhận thức về cách vận hành của AI trong việc hỗ trợ người học, nhận thức của sinh viên thể hiện mức hiểu biết ở mức khá và tương đối đồng đều với ĐTB = 3,94; ĐLC = 0,48. Các chức năng như tóm tắt tài liệu, hỗ trợ viết học thuật, cá nhân hóa quá trình học và vai trò của prompt đều được sinh viên nhận thức ở mức khá, với

ĐTB dao động từ 3,9 đến 4,0. Tuy vậy, đối với nhận thức liên quan đến vai trò của cách đặt câu hỏi cho AI chưa đạt mức nổi trội trong thang đo (với ĐTB = 3,92; ĐLC = 0,82) cho thấy việc sử dụng AI vẫn còn mang tính cảm tính, chưa được tiếp cận như một năng lực học tập thực sự. Nhận định này phù hợp với các chia sẻ trong phỏng vấn sâu, khi sinh viên cho rằng: "*Em biết hỏi AI thế nào thì ra kết quả tốt hơn, nhưng thường là thử nhiều lần chứ không có chiến lược rõ ràng*". Như vậy, AI được nhìn nhận như một công cụ linh hoạt, nhưng việc hiểu sâu về cơ chế vận hành và tối ưu hóa việc sử dụng vẫn còn hạn chế.

Đối với nhóm nhận thức "Hiểu biết về giới hạn và rủi ro khi sử dụng AI trong học tập", đây là nhóm nhận thức có điểm trung bình cao nhất trong toàn thang đo với ĐTB = 3,96; ĐLC = 0,44. Điều này rằng sinh viên tiếp cận AI với thái độ tương đối thận trọng và có ý thức phản biện. Các item liên quan đến độ chính xác của thông tin do AI tạo ra, nguy cơ phụ thuộc quá mức và giới hạn của AI trong việc thay thế tư duy sáng tạo của con người đều đạt điểm trung bình gần hoặc bằng 4,00. Kết quả này cho thấy sinh viên không xem AI như một nguồn tri thức tuyệt đối, mà đã có nhận thức rõ ràng về những giới hạn nội tại của công nghệ. Một số sinh viên chia sẻ rằng: "*Em thường chỉ dùng AI để tham khảo, vì cũng sợ nó trả lời sai hoặc không đúng bối cảnh học thuật. Có nhiều lần em kiểm tra thấy ChatGPT còn bịa cả điều luật, nội dung các Bộ Luật. Nếu sử dụng mà không kiểm tra thì nguy hiểm vô cùng*". Như vậy, nhận thức về rủi ro không chỉ tồn tại ở mức lý thuyết mà đã ảnh hưởng trực tiếp đến cách sinh viên sử dụng AI trong thực tế học tập. Một số giảng viên cũng cho rằng "*Nhiều sinh viên hiện nay có xu hướng đánh giá cao khả năng của AI, thậm chí tin tưởng quá mức vào câu trả lời do AI cung cấp. Tuy nhiên, tôi nhận thấy các em chưa thực sự nhận thức đầy đủ về nguy cơ sai lệch thông tin, thiếu căn cứ pháp lý hoặc vi phạm chuẩn mực liêm chính học thuật nếu sử dụng AI một cách thiếu kiểm soát*".

Đối với nhóm nhận thức về trách nhiệm, đạo đức và pháp lý khi sử dụng AI, sinh viên đạt mức nhận thức cao với ĐTB = 3,95; ĐLC = 0,45. Đặc biệt, sinh viên thể hiện sự hiểu biết đúng đắn đối với các vấn đề đạo đức học thuật, như hành vi sao chép nguyên văn nội dung do AI tạo ra với ĐTB = 4,00; ĐLC = 0,82. Tuy nhiên, nhận thức về các quy định chính thức của nhà trường lại thấp hơn với ĐTB = 3,92; ĐLC = 0,84, cho thấy hiện nay các cơ sở chưa đưa ra các quy định cụ thể, chi tiết và hướng dẫn cho sinh viên về các quy định trong việc sử dụng AI. Điều này được phản ánh rõ trong phỏng vấn sâu, khi sinh viên cho biết: "*Em nghe nhiều về đạo văn khi dùng AI, nhưng quy định cụ thể của trường thì em không nắm rõ*". Như vậy, sinh viên có xu hướng tự điều chỉnh hành vi dựa trên

chuẩn mực đạo đức chung, trên những thông tin cá nhân tự tìm hiểu trên các kênh truyền thông, hơn là dựa vào những quy định cụ thể.

Đối với nhóm nhận thức về cách viết prompt và các mô hình AI sử dụng trong học tập có ĐTB = 3,93 và ĐLC = 0,36. Điều này cho thấy sinh viên có nhận thức khá đồng đều về các đặc điểm cơ bản của AI tạo sinh, mô hình ngôn ngữ lớn và các chức năng nâng cao như phản hồi hay đánh giá bài tập. Tuy vậy, khả năng phân biệt các loại AI theo mô hình và chức năng vẫn chưa thật sự nổi bật, phản ánh sự hạn chế trong hiểu biết nền tảng về công nghệ. Sinh viên trong phỏng vấn sâu cũng thừa nhận: "*Em biết viết prompt ảnh hưởng đến kết quả, nhưng thường viết theo thói quen, chưa nghĩ nhiều đến cấu trúc hay kỹ thuật*". Điều này cho thấy sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của cách viết câu lệnh nhưng chưa biến nó thành kỹ năng sử dụng AI một cách hiệu quả.

3.2.2. Cảm xúc của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội khi sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập

Bên cạnh nhận thức, thái độ còn được thể hiện thông qua các phản ứng, trải nghiệm cảm xúc của cá nhân đối với đối tượng. Do đó, phần này chúng tôi tập trung phân tích mặt cảm xúc của sinh viên đối với việc sử dụng AI trong học tập. Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng số liệu sau:

Bảng 6. Cảm xúc của sinh viên khi sử dụng AI trong học tập

TT	Các biểu hiện	ĐTB	ĐLC
1	Tôi cảm thấy hứng thú khi sử dụng AI cho việc học	3,76	0,70
2	Tôi cảm thấy phấn khích khi thấy AI tạo ra kết quả hữu ích cho việc học	3,80	0,70
3	Tôi cảm thấy hào hứng khi thử nghiệm các công cụ AI mới	3,79	0,70
4	Tôi cảm thấy tự tin hơn khi có AI hỗ trợ trong quá trình học tập	3,84	0,71
5	Tôi cảm thấy yên tâm hơn khi sử dụng AI để kiểm tra độ chính xác của thông tin.	3,74	0,70
6	Tôi cảm thấy bản thân kiểm soát tốt hơn việc học khi có sự hỗ trợ của AI	3,78	0,72
7	Tôi cảm thấy thoải mái khi sử dụng AI để hoàn thành các nhiệm vụ học tập	3,77	0,72
8	Tôi cảm thấy AI giúp tôi giảm bớt căng thẳng khi xử lý bài tập khó.	3,82	0,72

9	Tôi cảm thấy được "giải tỏa" khi AI giúp đơn giản hóa những nội dung phức tạp.	3,77	0,72
10	Tôi cảm thấy có động lực học tập hơn khi sử dụng AI.	3,76	0,73
11	Tôi cảm thấy AI giúp tôi có thêm cảm hứng trong quá trình tìm hiểu kiến thức mới.	3,77	0,72
12	Tôi cảm thấy việc sử dụng AI khiến tôi đánh giá cao hơn năng lực học tập của bản thân.	3,78	0,76
Điểm trung bình chung		**3,78**	**0,70**

Kết quả khảo sát ở bảng số liệu cho thấy ĐTB của các biểu hiện cảm xúc dao động từ 3,74 đến 3,84, với ĐTB chung của toàn thang đo là 3,78. Kết quả này phản ánh sinh viên tự đánh giá có cảm xúc tích cực đối với việc sử dụng AI trong học tập. Với ĐLC của từng item tương đối đồng đều, dao động trong khoảng 0,70 - 0,76 cho thấy mức độ phân tán không lớn và sự đồng thuận tương đối cao giữa các sinh viên.

Xét cụ thể từng nhóm biểu hiện, điểm trung bình cao tập trung vào những cảm xúc liên quan đến sự tự tin, giảm căng thẳng và kiểm soát học tập khi có AI hỗ trợ (ĐTB từ 3,80 đến 3,84), tiêu biểu như cảm giác tự tin hơn trong quá trình học tập hoặc cảm giác AI giúp giảm bớt áp lực khi xử lý các nhiệm vụ khó. Điều này cho thấy AI không chỉ được nhìn nhận như một công cụ hỗ trợ kỹ thuật, mà còn đóng vai trò hỗ trợ những khó khăn tâm lý, giúp sinh viên cảm thấy an tâm và chủ động hơn trong quá trình học. Sinh viên N.T.K. (K46) cho biết: "*Việc sử dụng AI thật tuyệt vời khi rút ngắn rất nhiều thời gian cho em trong giai đoạn làm khóa luận tốt nghiệp. Việc sử dụng các AI chuyên biệt cho từng nhiệm vụ nghiên cứu làm giảm áp lực hơn cho người học nếu biết cách sử dụng. Công nghệ thật tuyệt vời*". Bên cạnh đó, các biểu hiện liên quan đến hứng thú, động lực và cảm hứng học tập cũng đạt mức điểm khá cao và tương đối đồng đều. Điều này gợi ý rằng việc sử dụng AI có khả năng kích thích động cơ học tập nội tại, góp phần làm cho hoạt động học tập trở nên hấp dẫn và có ý nghĩa hơn đối với sinh viên. Tuy nhiên, mức độ cảm xúc tích cực chưa đạt đến ngưỡng rất cao, phản ánh một thái độ tương đối thận trọng, phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học, nơi sinh viên vừa tiếp nhận công nghệ mới, vừa ý thức rõ về các chuẩn mực học thuật và trách nhiệm cá nhân. Khi được hỏi về trải nghiệm cảm xúc của sinh viên khi sử dụng AI trong học tập, một số ý kiến của giảng viên cho rằng: Có những sinh viên khi sử dụng AI tỏ ra tự tin hơn trong việc chuẩn bị bài, thuyết

trình. Tuy nhiên, cũng có trường hợp các em trở nên chủ quan, nghĩ rằng AI có thể 'làm thay' mình, từ đó giảm hứng thú đào sâu vấn đề.

Kết quả nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu lý luận gần đây khi cho thấy AI ngày càng được sử dụng như công cụ hỗ trợ giải thích, tổng hợp và đơn giản hóa nội dung học tập, qua đó làm thay đổi trải nghiệm học tập của người học (Holmes, Bialik và Fadel, 2019). Dù không trực tiếp đo lường cảm xúc, các nghiên cứu nhấn mạnh rằng tương tác với AI có thể ảnh hưởng đến cảm giác kiểm soát, sự an tâm và mức độ tham gia của sinh viên.Tuy nhiên, Báo cáo năm 2025 của Quỹ Telefónica cảnh báo rằng, bên cạnh lợi ích về cá nhân hóa và hiệu quả, AI cũng đặt ra thách thức đối với trải nghiệm cảm xúc, mối quan hệ và sức khỏe tinh thần. Việc sử dụng AI thiếu định hướng sư phạm có thể dẫn đến cô lập xã hội, phụ thuộc nhận thức và gia tăng lo âu. Ngược lại, nếu được triển khai dưới sự dẫn dắt của giáo viên, cùng với đào tạo đầy đủ về công nghệ, sư phạm và đạo đức, trong một khung chính sách đảm bảo quyền tự chủ nghề nghiệp, AI có thể trở thành công cụ hỗ trợ tích cực cho sự gắn kết, hạnh phúc và phát triển toàn diện.

3.2.3. Hành vi của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội khi sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập

Kết quả khảo sát về hành vi sử dụng AI của sinh viên trường Đại học Luật Hà Nội được thể hiện thông qua bảng số liệu sau:

Bảng 7. Hành vi sử dụng AI trong học tập của sinh viên

TT	Hành vi	ĐTB	ĐLC
Hành vi sử dụng AI mang tính học tập sâu		*4,01*	*0,47*
1	Tôi sử dụng AI để hiểu rõ bản chất của các vấn đề học thuật,	3,97	0,71
2	Tôi sử dụng AI để phân tích và mở rộng các nội dung học tập phức tạp	4,03	0,66
3	AI giúp tôi tiếp cận một vấn đề học tập từ nhiều góc nhìn khác nhau	4,03	0,66
4	Tôi sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ tư duy trong quá trình học tập	4,03	0,67
Hành vi sử dụng AI mang tính chiến lược - kiểm soát		*4,02*	*0,42*
1	Tôi xác định rõ mục tiêu học tập trước khi sử dụng AI	4,03	0,66
2	Tôi chủ động lựa chọn thời điểm phù hợp để sử dụng AI trong học tập	4,00	0,67
3	Tôi cân nhắc yêu cầu học thuật của từng môn học khi sử dụng AI	4,01	0,68
4	Tôi kiểm tra và đánh giá lại nội dung do AI cung cấp trước	4,07	0,66

	khi sử dụng		
5	Tôi điều chỉnh cách sử dụng AI để phù hợp với từng nhiệm vụ học tập	4,02	0.66
Hành vi tương tác với AI		*3,80*	*0,42*
1	Tôi có thể đặt câu hỏi rõ ràng để AI cung cấp thông tin phục vụ học tập	3,77	0,68
2	Tôi có thể điều chỉnh câu lệnh để AI tạo ra kết quả phù hợp hơn với yêu cầu học tập	3,80	0,70
3	Tôi sử dụng AI cho nhiều mục đích học tập khác nhau (tìm tài liệu, giải thích, phân tích…)	3,85	0,70
4	Tôi thực hiện được việc khai thác AI để hỗ trợ giải quyết các nhiệm vụ học tập phức tạp	3,80	0,69
5	Tôi thường xuyên sử dụng AI một cách chủ động trong quá trình học tập	3,82	0,73
Hành vi sử dụng AI mang tính phụ thuộc		*3,64*	*0,61*
1	Tôi cảm thấy khó khăn trong học tập nếu không có sự hỗ trợ của AI	3,52	0,93
2	Tôi ngày càng dựa nhiều vào AI để hoàn thành các nhiệm vụ học tập	3,79	0,82
3	Tôi sử dụng AI thay cho việc tự suy nghĩ hoặc tự giải quyết vấn đề học tập	3,77	0,79
4	AI đóng vai trò rất quan trọng trong việc hoàn thành các yêu cầu học tập của tôi	3,49	0,82
Hành vi đánh giá và tích hợp kết quả từ AI		*3,53*	*0,40*
1	Tôi đánh giá được độ chính xác của thông tin do AI cung cấp	3,43	0,72
2	Tôi nhận diện được những hạn chế trong câu trả lời của AI	3,47	0,71
3	Tôi kết hợp kết quả từ AI với tài liệu và kiến thức học thuật khác	3,61	0,73
4	Tôi chỉnh sửa và phát triển nội dung do AI gợi ý theo yêu cầu học tập	3,58	0,74
5	Tôi thực hiện việc sử dụng AI một cách có trách nhiệm trong học tập	3,60	0,75
Điểm trung bình chung của toàn thang đo		**3,80**	**0,27**

Kết quả khảo sát cho thấy ĐTB chung của toàn thang đo hành vi sử dụng AI trong học tập của sinh viên đạt 3,80 (ĐLC = 0,27). Kết quả này phản ánh rằng sinh viên có xu hướng sử dụng AI trong học tập ở mức tốt, được hiểu là hành vi tích cực và mang tính tự chủ, không bị phụ thuộc vào AI. Với ĐLC = 0,27 cho thấy câu trả lời và tương đối đồng đều giữa các cá nhân (độ phân tán thấp). Có

thể hiểu rằng phần lớn sinh viên đã sử dụng AI như hành động thuộc về hoạt động học tập, chứ không phải hiện tượng chỉ xuất hiện ở một nhóm nhỏ. Trong 5 nhóm hành vi khảo sát, có sự khác biệt mặc dù khác biệt không đáng kể. Cụ thể là: nhóm hành vi có ĐTB cao nhất thuộc về "Hành vi sử dụng AI mang tính chiến lược - kiểm soát" với ĐTB = 4,02; ĐLC = 0,42. Điểm nổi bật của nhóm hành vi này nằm ở các hành vi mang tính tự điều chỉnh: sinh viên xác định mục tiêu trước khi dùng AI (ĐTB = 4,03; ĐLC = 0,66), cân nhắc yêu cầu học thuật của môn học (ĐTB = 4,01; ĐLC = 0,68) và đặc biệt "kiểm tra và đánh giá lại nội dung do AI cung cấp trước khi sử dụng" có ĐTB cao nhất tiểu thang (4,07; ĐLC = 0,66). Sinh viên P.T.U., K48 cho biết: "*Một lần khi hoàn thiện bài tập nhóm, do không cẩn thận chúng em đã không kiểm tra lại các nội dung do ChatGPT gợi ý. Khi nộp bài cho giảng viên và bị cho điểm thấp do nội dung không chính xác. Đây là bài học nhớ đời dạy chúng em phải kiểm tra, đánh giá sự chính xác khi sử dụng kết quả của AI*". Qua phỏng vấn một số giảng viên cho thấy việc sinh viên sử dụng AI phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu hiện nay khá phổ biến, thậm chí sinh viên dùng AI để trả lời các câu hỏi do giảng viên đặt ra trong giờ học. Tuy vậy, không phải nhiệm vụ nào sử dụng AI cũng đảm bảo chất lượng. Vì vậy, việc tập huấn hướng dẫn cách sử dụng AI trong lĩnh vực giáo dục là một việc rất cần thiết đối với sinh viên hiện nay.

Ngược lại, nhóm hành vi có ĐTB thấp nhất là "Hành vi đánh giá và tích hợp kết quả từ AI" (ĐTB = 3,53; ĐLC = 0,40). Trong đó, hai nội dung có điểm thấp nhất trong nhóm hành vi này đều thuộc nhóm thẩm định chất lượng đầu ra: "đánh giá được độ chính xác của thông tin do AI cung cấp" (ĐTB = 3,43; ĐLC = 0,725) và "nhận diện được những hạn chế trong câu trả lời của AI" (ĐTB = 3,47; ĐLC = 0,713). Trong khi đó, các hành vi mang tính chỉnh sửa/tích hợp và trách nhiệm lại nhỉnh hơn: kết hợp kết quả AI với tài liệu/kiến thức học thuật khác (ĐTB = 3,61; ĐLC = 0,739) và sử dụng AI một cách có trách nhiệm (ĐTB = 3,60; ĐLC = 0,752). Như vậy có thể thấy rằng, sinh viên có thể thành thạo ở tầng thao tác và quy trình (biết đặt mục tiêu, biết dùng, biết chỉnh sửa), nhưng chưa thành thạo ở bước thẩm định tri thức (xác minh độ đúng/sai, phát hiện giới hạn lập luận của AI). Điều này có thể được do thời gian AI phản hồi các câu lệnh khá nhanh trong việc tạo văn bản/tóm tắt/ý tưởng. Người học dễ dàng sao chép, biên tập và sử dụng, tuy nhiên việc kiểm tra tính chính xác của nội dung đòi hỏi sinh viên cần có hiểu biết, thời gian, có tư duy phản biện… việc này mất thời gian, khó hơn và cần được hướng dẫn. Với độ lệch chuẩn của các nội dung dao động từ 0,71 - 0,73 cho thấy có sự phân tán trong câu trả lời. Có nghĩa là có nhóm sinh viên làm tốt, nhưng cũng có nhóm còn lúng túng khi đánh giá độ tin cậy của nội dung AI cung cấp.

3.2.4. So sánh thực trạng thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên

* So sánh thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập theo giới tính

Để làm rõ sự khác biệt về thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập theo giới tính, nghiên cứu tiến hành kiểm định T-test độc lập. Kết quả kiểm định T-test độc lập cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập giữa sinh viên nam và sinh viên nữ Trường Đại học Luật Hà Nội với p > 0,05. Cụ thể, điểm trung bình thái độ của sinh viên nam với ĐTB = 3,81; ĐLC = 0,33; N = 146), trong khi điểm trung bình của sinh viên nữ là 3,79; ĐLC = 0,29; N = 335. Mặc dù sinh viên nam có điểm trung bình nhỉnh hơn sinh viên nữ, song mức chênh lệch này không đủ lớn để tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Phương sai giữa hai nhóm là đồng nhất (Sig. = 0,890 > 0,05), do đó kết quả kiểm định T-test với giả định phương sai bằng nhau là phù hợp để diễn giải. Giá trị kiểm định t đạt t(479) = 0,749, với mức ý nghĩa Sig. (2-tailed) = 0,454, khẳng định rằng giới tính không phải là yếu tố tạo ra sự khác biệt đáng kể trong thái độ của sinh viên đối với việc sử dụng AI trong học tập.

* So sánh thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập theo năm học

Bảng 8. Sự khác biệt về thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập theo năm học

Năm học	N	ĐTB	ĐLC	F	Sig.
Năm nhất	86	3,81	0,10	4,501	0,004
Năm hai	166	3,70	0,43		
Năm ba	116	3,79	0,09		
Năm tư	113	3,79	0.20		
Tổng	**481**	**3,76**	**0,28**		

Kết quả phân tích phương sai một yếu tố (One-way Anova) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình thái độ (TD_Mean) giữa các nhóm năm học, F(3, 477) = 4,501; p = 0,004. Kiểm định hậu nghiệm Games-Howell cho thấy sinh viên năm 1 có điểm trung bình cao hơn năm 2 (MD = 0,11366; p = 0,008) và sinh viên năm 3 cũng có điểm trung bình cao hơn năm 2 (MD = 0,09016; p = 0,048). Như vậy, sự khác biệt chủ yếu tập trung ở nhóm sinh viên năm 2 với mức điểm thấp hơn so với các nhóm còn lại, cho thấy sự biến động thái độ không diễn ra theo xu hướng tuyến tính mà có sự dao động theo từng giai đoạn đào tạo.

* So sánh thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập theo GPA

Bảng 9. Sự khác biệt về thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập theo GPA

GPA	N	Nhận thức (ĐTB ± ĐLC)	Cảm xúc (ĐTB ± ĐLC)	Hành vi (ĐTB ± ĐLC)
< 2,00	6	4,14 ± 0,21	4,08 ± 0,38	3,96 ± 0,25
2,00 - 2,49	54	3,96 ± 0,20	3,75 ± 0,35	3,73 ± 0,34
2,50 - 3,19	171	3,88 ± 0,39	3,76 ± 0,53	3,52 ± 0,73
3,20 - 3,59	226	3,98 ± 0,23	3,84 ± 0,43	3,71 ± 0,55
3,60 - 4,00	24	3,94 ± 0,52	3,72 ± 0,71	3,68 ± 0,71
F		3,069	1,483	3,217
Sig.		0,016	0,206	0,013

Kết quả cho thấy mức GPA có mối liên hệ khác nhau với các mặt biểu hiện của thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập. Cụ thể, tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm sinh viên theo GPA về mặt nhận thức ($F(4,476) = 3,069$; $p = 0,016$) và mặt hành vi ($F(4,476) = 3,217$; $p = 0,013$). Trong khi đó, mặt cảm xúc không ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm GPA ($F(4,476) = 1,483$; $p = 0,206$). Có thể thấy sinh viên có GPA thấp (< 2,00) và sinh viên có GPA khá - giỏi (3,20 - 3,59) có xu hướng đạt điểm nhận thức về việc sử dụng AI cao hơn so với các nhóm GPA trung bình. Tuy nhiên, sự khác biệt này không cho thấy một xu hướng tăng dần rõ ràng theo GPA, cho thấy mối liên hệ giữa thành tích học tập và nhận thức về AI có tính phức tạp. Đối với hành vi sử dụng AI, kết quả cho thấy sinh viên có GPA trung bình - khá (3,20 -3,59) có điểm trung bình cao hơn so với nhóm GPA thấp và nhóm GPA rất cao, trong khi nhóm GPA trung bình (2,50 - 3,19) có xu hướng thể hiện hành vi sử dụng AI ở mức thấp hơn. Điều này cho thấy rằng không phải sinh viên có GPA càng cao thì hành vi sử dụng AI càng nhiều, mà hành vi này có thể gắn với nhu cầu hỗ trợ học tập, chiến lược học tập cá nhân và áp lực học tập ở từng nhóm sinh viên. Riêng đối với mặt cảm xúc, sự tương đồng về điểm trung bình giữa các nhóm GPA cho thấy cảm xúc của sinh viên đối với việc sử dụng AI tương đối ổn định và ít bị chi phối bởi thành tích học tập. Điều này phản ánh AI đã trở thành một công cụ quen thuộc, tạo ra cảm xúc tương đối đồng đều trong cộng đồng sinh viên, bất kể mức GPA.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội đạt mức tích cực (ĐTB = 3,84; ĐLC = 0,42), phản ánh xu hướng chấp nhận và ủng hộ việc sử dụng AI trong học tập. Trong ba thành phần cấu trúc của thái độ, nhận thức là yếu tố nổi trội nhất (ĐTB

= 3,94; ĐLC = 0,31) cho thấy sinh viên thể hiện sự hiểu biết tương đối rõ ràng về vai trò, chức năng, giới hạn cũng như các vấn đề đạo đức - pháp lý liên quan đến AI. Ở phương diện hành vi (ĐTB = 3,80; ĐLC = 0,27), sinh viên có xu hướng sử dụng AI theo hướng chiến lược và có kiểm soát, đặc biệt nổi bật ở hành vi xác định mục tiêu, cân nhắc yêu cầu học thuật và kiểm tra lại nội dung do AI cung cấp. Về cảm xúc (ĐTB = 3,78; ĐLC = 0,70), sinh viên nhìn chung có trải nghiệm tích cực khi sử dụng AI, thể hiện qua cảm giác hứng thú, tự tin và giảm áp lực học tập. Có thể khẳng định AI đã trở thành công cụ hỗ trợ học tập quen thuộc đối với sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội. Tuy nhiên, để sử dụng hiệu quả và bảo đảm liêm chính học thuật, cần tăng cường năng lực sàng lọc thông tin, tư duy phản biện và ban hành hướng dẫn rõ ràng về chuẩn mực sử dụng AI, gắn với yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

Chú thích: Bài viết được trích từ nội dung nghiên cứu của Đề tài cấp cơ sở năm 2025*:* Thái độ đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập của sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội; Trường Đại học Luật Hà Nội. Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Nga.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Đặng Văn Em, Nguyễn Đình Loan Phương, Nguyễn Thị Hảo (2024). Thực trạng ứng dụng ChatGPT trong việc học tập: Nghiên cứu của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục,* 24(1).

2. Bùi Văn Huệ (chủ biên) (1996). *Tâm lý học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.

3. Đặng Thành Hưng, Trịnh Thị Hồng Hà, Nguyễn Khải Hoàn, Trần Vũ Khánh (2012). *Lý thuyết Dạy đại học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Đặng Hiền Lê (2020). *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong học tập*. Nghiên cứu điển hình của sinh viên Hà Nội.

5. Trần Văn Hưng, Đinh Thị Mỹ Hạnh (2024). Thực trạng và giải pháp sử dụng ChatGPT hỗ trợ học tập cho học sinh trung học phổ thông: Trường hợp nghiên cứu tại Thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam, tập 20, số 5.*

6. Thái Thị Cẩm Trang (2023). Thái độ và kỳ vọng của sinh viên sư phạm tiếng anh đối với chat gpt. Nghiên cứu tại trường đại học sư phạm Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục, 23*(10).

Tài liệu tiếng Anh

7. Abe, K., & Iwata, S. (2022). NEC's emotion analysis solution supports work style reform and health management. *NEC Technical Journal, 2019*(190109), 45-52.

8. C. Yang, S. Huan, and Y. Yang (2020). A practical teaching mode for colleges supported by artificial intelligence. *International Journal of Emerging Technologies in Learning (IJET), 15*(17), 195-206.
9. Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019). *Artificial intelligence in education: Promises and implications for teaching and learning*. Boston, MA: Center for Curriculum Redesign.
10. K. T. Schroeder et. al. (2022). Teaching and learning with AI-Generated Courseware: Lessons from the Classroom. *Online Learning*, *26*(3), 73-87.
11. Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B., & Davis, F. D. (2003). User acceptance of information technology: Toward a unified view. *MIS Quarterly, 27*(3), 425-478.
Website
12. https://profuturo.education/en/observatory/trends/artificial-intelligence-and-its-impact-on-emotional-wellbeing-in-schools/.